

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 3 - 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải và bà Hà Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1993; Nơi đăng ký: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Quan Văn D, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, xã Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang ở Nhật Bản (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:Chị và anh Quan Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào năm 2012.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình của anh D. Đến năm 2018, chị sang Nhật Bản để lao động. Đến năm 2019, anh D1 cũng sang lao động tại Nhật Bản. Anh chị có công việc khác nhau nên không chung sống với nhau. Đến năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mấy năm gần đây vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị trở về Việt Nam sinh sống ổn định tại Bắc Giang. Chị xác định tình cảm vợ

chồng đối với anh D không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Quan Văn T, sinh ngày 07/01/2013 và Quan Thị Ngọc M, sinh ngày 31/10/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với mẹ đẻ của anh D tại xã Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Tuy nhiên do chị đang đi làm ăn xa nên chị ủy quyền cho bà Trần Thị D2, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của anh Quan Văn D trực tiếp chăm sóc cháu T và cháu M. Về cấp dưỡng: Chị H không đề nghị anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên các quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Quan Văn D ở Nhật Bản, nên Tòa án tỉnh Thái Nguyên phải tiến hành lập biên bản làm việc thông quan thân nhân của anh D. Tại biên bản làm việc ngày 19/02/2025, giữa Tòa án và bà Trần Thị D2, sinh năm 1962, là mẹ đẻ của anh D xác định được: *“Anh D là con ruột của bà D2, hiện đang làm việc tại Nhật Bản. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh D đã biết việc chị H xin ly hôn anh và anh D cũng nhất trí vì vợ chồng anh có mâu thuẫn với nhau.*

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Quan Văn T, sinh ngày 07/01/2013 và Quan Thị Ngọc M, sinh ngày 31/10/2014. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà D2 nuôi dưỡng 02 con chung, cho đến khi anh trở về nước.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh D xác định không có”.

Bà Trần Thị D2 có đơn trình bày, nhất trí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quan Văn T, sinh ngày 07/01/2013 và Quan Thị Ngọc M, sinh ngày 31/10/2014 trong khi anh D và chị H đi làm việc xa nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, cho chị H được ly hôn anh Quan Văn D;

+ Về con chung: Giao cháu Quan Văn T, sinh ngày 07/01/2013 và Quan Thị Ngọc M, sinh ngày 31/10/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét;

+ Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không xem xét.

+ Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1.] Chị Phan Thị H là nguyên đơn đang cư trú tại Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Anh Quan Văn D trước khi đi Nhật Bản có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, xã Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Theo công văn số 5151/PQLNXC(Đ1) ngày 16/12/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T xác định anh Quan Văn D đã được cấp hộ chiếu và đã xuất cảnh ngày 11/4/2024 qua cửa khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[2.] Nguyên đơn chị Phan Thị H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh D ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh D ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được.

[3.] Anh D mặc dù không có văn bản thể hiện quan điểm của mình gửi về cho Tòa án, nhưng qua lời khai của chị H và thông qua thân nhân của anh D, có đủ căn cứ xác định anh D vẫn liên hệ với gia đình, nhưng gia đình cũng không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Nhật Bản cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4.] Hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Quan Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình của anh D. Đến năm 2018, 2019 cả chị H và anh D3 đều xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, do có công việc khác nhau nên không chung sống chung. Từ năm 2020, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Tịa phiên tòa chị H khai: *Trước khi gửi đơn xin ly hôn, chị đã gọi điện trao đổi với anh D, anh D cũng nhất trí ly hôn với chị*". Anh D không có ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án, nhưng thông qua thân thân cũng đã xác định được việc anh D nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật HNGĐ đã không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[5.] Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Quan Văn D cùng xác định, anh chị có 02 con chung là Quan Văn T, sinh ngày 07/01/2013 và Quan Thị Ngọc M, sinh ngày 31/10/2014. Hiện cả hai con đều đang sống với mẹ đẻ của anh D là bà D2 tại TDP T, xã Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung và cùng có ý kiến ủy quyền cho bà Trần Thị D2 tiếp tục nuôi dưỡng, trong thời gian các anh chị đi công tác xa nhà. Cháu T và cháu M đều có nguyện vọng được ở với chị H khi cha mẹ ly hôn, nếu chị H giao các cháu cho ông bà nội chăm sóc trong thời gian đi làm xa, hai cháu đều đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam, cha mẹ phải là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị H và D đều có thu nhập, chị H hiện vẫn ở Việt nam còn anh D đang ở Nhật Bản. Khi cha mẹ ly hôn, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, mới đảm bảo lợi ích của các cháu. Việc chị H có ý kiến ủy quyền cho bà D2 nuôi con trong thời gian đi làm xa, đó là thỏa thuận của các bên ngoài vụ án, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung khi cha mẹ ly hôn, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là Quan Văn T và Quan Thị Ngọc M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị H không yêu cầu.

Các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6.] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.] Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8.] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Quan Văn D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Quan Văn D.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là Quan Văn T, sinh ngày 07/01/2013 và Quan Thị Ngọc M, sinh ngày 31/10/2014 cho chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Quan Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị H không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000235 ngày 23/12/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Phan Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quan Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)
Nguyễn Thị Thủy**

